

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DMC
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 04-4-2019
V/v “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thúy Cơ;
2. Ông Đoàn Tấn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Hoàng S, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Số nhà 197, đường H, Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp, xã Suối Đ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-12-2018 và trong quá trình cung cấp chứng cứ nguyên đơn (ông S) trình bày:

Do là chỗ bạn bè quen biết nên ông có cho bà T vay tiền nhiều lần, các lần vay tiền bà T đã trả nợ xong, nên vào khoảng năm 2009 ông tiếp tục cho bà T vay tiền, những lần vay tiền bà T có viết giấy nợ, sau đó ngày 08-8-2009 hai bên có thống nhất chốt nợ viết thành 01 giấy nợ với tổng số tiền bà T nợ là 2.850.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả nợ, lãi suất theo thỏa thuận hàng tháng, trả lãi được khoảng 2-3 tháng thì ngưng, vào tháng 11-2013 bà T có trả được 850.000.000 đồng còn nợ lại 2.000.000.000 đồng, bà T xin trả dần vào năm 2018 nhưng đến nay bà T chưa thanh toán hết nợ. Do đây là tiền của cá nhân ông nên khi giao dịch chỉ có một mình ông thực hiện không liên quan đến bà H(vợ ông) nên nay ông làm đơn khởi kiện bà T có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài khoản nợ 2.000.000.000 đồng này ra bà T không còn nợ ông thêm khoản tiền nào khác.

Bị đơn (bà T) trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt theo quy định tại Điều 177, 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T vắng mặt không có lý do, do vậy không có lời trình bày của bà T. Bà T vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại Tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do xem như bà T từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông S số tiền gốc 2.000.000.000 đồng. Ghi nhận ông S không yêu cầu tính lãi suất.

Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay, bà T đã được cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo, văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như bà T từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà T .

Ông S có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về quan hệ tranh chấp: Tòa án thụ lý về việc tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”, quá trình giải quyết vụ kiện ông S xác định khởi kiện đòi lại số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất do việc cho vay tiền đã lâu nên nay xác định đây là quan hệ tranh chấp “ Đòi lại tài sản”.

[2] Về nội dung: Ông S có cho bà T vay số tiền 2.850.000.000 đồng là có thật; bởi lẽ điều này đã được thể hiện bằng giấy nợ ngày 08-8-2009, đến tháng 11 năm 2013 bà T có trả cho ông S được 850.000.000 đồng, nay còn nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của ông S cho rằng bà T vay 2.850.000.000 đồng, đã trả được 850.000.000 đồng còn nợ lại 2.000.000.000 đồng nay yêu cầu bà T có trách nhiệm trả lại số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì qua quá trình làm việc bà T và ông S có mối quan hệ quen biết là chỗ bạn bè, tin tưởng nên ông S mới cho bà T vay tiền nhiều lần những lần vay tiền trước bà T đã thanh toán xong. Nay ông S khởi kiện đòi lại tài sản là có cơ sở chấp nhận yêu cầu.

Mặt khác Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà T nhưng bà T cố tình vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến số tiền còn nợ gốc 2.000.000.000 đồng; Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông S về việc khởi kiện đòi lại tài sản đối với số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, cần buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông S số tiền còn nợ là 2.000.000.000 đồng, ghi nhận ông S không yêu cầu tính lãi suất .

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc “Đòi lại tài sản”; Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hoàng S đối với bà Nguyễn Thị Kim T về việc “Đòi lại tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho ông Lưu Hoàng S số tiền gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, ghi nhận ông S không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu: 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

Ông Lưu Hoàng S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông S số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011148 ngày 05-12-2018.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại

phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Lưu án, lưu hồ sơ;
- Các đương sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thiều Thị Phụng